

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 2567/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 26 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang (lần 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 18/7/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2694/TTr-LĐTBXH ngày 21/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách (kèm theo Phụ lục 06 danh sách hỗ trợ người lao động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập tại Tờ trình số 2694/TTr-



LĐTBOXH ngày 21/10/2021) và kinh phí hỗ trợ cho người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn huyện Kiên Hải (lần 2), cụ thể như sau:

STT	Loại đối tượng	Số lượng	Số tiền/người, hộ kinh doanh	Thành tiền
1	Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương (chính sách số 4 – mức 1.855.000 đồng/người hoặc 3.710.000 đồng/người)	3	3.710.000	11.130.000
2	Chính sách hỗ trợ bổ sung cho người lao động và trẻ em (chính sách số 7 – mức 1.000.000 đồng/người hoặc trẻ em). Trong đó:	3	1.000.000	3.000.000
	<i>Người lao động đang nuôi con hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi</i>	3	1.000.000	3.000.000
3	Chính sách hỗ trợ Hộ kinh doanh (chính sách số 10 – mức 3.000.000 đồng/hộ)	6	3.000.000	18.000.000
	Tổng cộng	12		32.130.000
	Bảng chữ:	Ba mươi hai triệu một trăm ba mươi nghìn đồng		

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Căn cứ danh sách đối tượng và kinh phí được phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải chịu trách nhiệm triển khai hỗ trợ kịp thời cho đối tượng theo thời gian quy định; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về các cơ quan chuyên môn theo quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về đối tượng nhận hỗ trợ trên địa bàn huyện và chỉ đạo lưu trữ hồ sơ theo quy định.

2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Lao động -

Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan hướng dẫn địa phương về quy trình thủ tục thực hiện các nội dung có liên quan và thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định; tổ chức giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải và Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh và cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *Dùng*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Chuyên viên nghiên cứu;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, tthuy, "HT".



Nguyễn Lưu Trung



PHỤ LỤC 06

Danh sách đề nghị hỗ trợ do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 trên địa bàn huyện Kiên Hải
(Kèm theo Tờ trình số 269/L/Tr-LĐT BXH ngày 21/10/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

I		CÔNG TY CỔ PHẦN HÒN TRE						14.130.000				
1.1		Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						11.130.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
1	Nguyễn Đình Long	Phòng Giám đốc	Không thời hạn	Aug-16	5307002463	01/08/2021	01/08/2021 đến 07/09/2021	3.710.000	Tên TK: Nguyễn Đình Long Số TK: 715205020263 Ngân hàng: Agribank Kiên Giang	371679401		
2	Trần Thị Hoa	Phòng tài chính, kế toán	Không thời hạn	Aug-16	9114011085	01/08/2021	01/08/2021 đến 07/09/2021	3.710.000	Tên TK: Trần Thị Hoa Số TK: 091000627826 Ngân hàng: Vietcombank Kiên Giang	372091831		
3	Nguyễn Văn Trần	Phòng tài chính, kế toán	Không thời hạn	Jun-15	9115005434	01/08/2021	01/08/2021 đến 07/09/2021	3.710.000	Tên TK: Nguyễn Văn Trần Số TK: 708205036208 Ngân hàng: Agribank huyện Kiên Hải	370812424		
1.2		Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em						3.000.000				

Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 1.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Đình Long	1	Nguyễn Trần Gia Linh	10/09/2016	Trần Thị Bích Vân	371027293	1.000.000	Tên TK: Nguyễn Đình Long Số TK: 7715205020263 Ngân hàng: Agribank Kiên Giang	371679401	
2	Nguyễn Đình Long	1	Nguyễn Đình Gia Khánh	21/09/2018	Trần Thị Bích Vân	371027293	1.000.000			
3	Trần Thị Hoa	2	Nguyễn Trần Gia Thảo	25/11/2019	Nguyễn Văn Linh	372095609	1.000.000	Tên TK: Trần Thị Hoa Số TK: 0091000627826 Ngân hàng: Vietcombank Kiên Giang	372091831	

II DANH SÁCH HỘ KINH DOANH (XÃ HÒN TRE)

18.000.000

Stt	Họ và tên người đại diện hộ kinh doanh	Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi ở hiện tại	Tên hộ kinh doanh	Địa điểm kinh doanh	Mã số đăng ký kinh doanh	Thời gian tạm ngừng kinh doanh từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm	Số tiền hỗ trợ	Hình thức thanh toán (trực tiếp)	Ghi chú
1	Tổng Bảo Trân	371992955	Tổ 4, ấp I, xã Hòn Tre	Billiards xanh	Áp I-Xã Hòn Tre	56M8000538	19/7-30/9/2021	3.000.000	x	
2	Ngô Thị Thùy Trang	091771000193	Tổ 15, ấp I, xã Hòn Tre	Thùy Trang	Áp II-Xã Hòn Tre	56M8000536	19/7-30/9/2021	3.000.000	x	
3	Trần Thị Trinh	370926135	D8, Lô-15, đường Phan Qui Ích, TP. Rạch Giá	Hiệp An	Áp I-Xã Hòn Tre	56M8000014	19/7-30/9/2021	3.000.000	x	
4	Trần Thanh Sơn	370494046	Tổ 9, ấp I, xã Hòn Tre	Thanh Sơn	Áp I-Xã Hòn Tre	56M8000477	19/7-30/9/2021	3.000.000	x	
5	Nguyễn Thị Mai	371792946	Tổ 12, ấp I, xã Hòn Tre	Vi tính Hòn Tre	Áp I-Xã Hòn Tre	56M8000260	19/7-30/9/2021	3.000.000	x	

6	Nguyễn Thị Tuyết Ngoan	09118000641	Tổ 1, ấp II, xã Hòn Tre	Nguyễn Thị Tuyết Ngoan	Ấp II-Xã Hòn Tre	56M8000427	19/7-30/9/2021	3.000.000	x	
12	Tổng cộng (I + II):							32.130.000		

Tổng cộng: Số trường hợp được hỗ trợ: 12; Số tiền hỗ trợ: 32.130.000 đồng; Bằng chữ: Ba mươi hai triệu một trăm ba mươi nghìn đồng.

Kiên Giang, ngày 21 tháng 10 năm 2021
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Văn Tùng



Dặng Hồng Sơn

